TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN THỤY** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN THỤY, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lương Thị Xuân M, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Phan Viết N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 12 năm 2019 và các bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Lương Thị Xuân M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Phan Viết N tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 10/3/2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số 14). Cuối năm 2016 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh N nghi ngờ chị không chung thủy với những lý do vô cớ rồi đánh chửi chị nhiều lần, nên chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 11 năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh N.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phan Thanh L, sinh ngày 08/02/2011; Phan Thị Vy L1, sinh ngày 01/5/2017 đang do anh N nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1; đồng ý giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phan Viết N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có bản khai và trình bày tại phiên hòa giải phù hợp với lời khai của chị M về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc; anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, do anh ghen tuông vô cớ và đánh chửi chị nhiều lần, nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị M.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị M đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thanh L; đồng ý giao cháu Phan Thị Vy L1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Phan Thanh L, trình bày nguyện vọng không ở với ai. Do đó Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để mở phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên và trình bày: Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị đã phải tìm đến cái chết nhưng không thành và được gia đình chị mang đi cứu chữa, khi qua khỏi chị vẫn về chung sống cùng anh N, vì cháu còn quá nhỏ, mặt khác mong anh N thay đổi tính cách, tuy nhiên anh N vẫn giữ nguyên quan điểm sống. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, nên chị phải mang cháu L1 về bố mẹ đẻ ở, sau đó gia đình anh N đến mang cháu về gia đình anh N nuôi dưỡng, không cho chị nuôi cháu L1. Nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N và nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, vì chị có chỗ ở ổn định, thu nhập trung bình mỗi tháng 7000.000 đồng; bên cạnh đó còn có sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ chị chăm sóc cháu như thời gian trước,

mỗi khi chị bận việc. Chị đồng ý giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Sự vắng mặt của bị đơn nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Xuân M; cho chị Lương Thị Xuân M được ly hôn anh Phan Viết N.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thanh L, sinh ngày 08/02/2011 cho anh N nuôi dưỡng; giao cháu Phan Thị Vy L1, sinh ngày 01/5/2017 cho chị M nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù ban đầu các bên đương sự đã thỏa thuận với nhau về toàn bộ vụ án, nhưng do cháu Phan Thanh L 09 tuổi (trên 07 tuổi), không thể hiện nguyện vọng ở với ai, nên Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để xem xét giải quyết giao cháu L cho ai nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Anh N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh N (bị đơn) cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K (theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự).

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M xin ly hôn anh N. Qua lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã N cung cấp thì hôn nhân của chị Lương Thị Xuân M và anh Phan Viết N là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh N kiếm cớ ghen tuông, đánh chửi chị M nhiều lần, nên chị M đã phải tự tử nhưng được gia đình cứu chữa kịp thời, mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, chị M về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Vì vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị M có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị M được ly hôn anh N là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của anh N tại bản khai, phiên hòa giải và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung là Phan Thanh L, sinh ngày 08/02/2011; Phan Thị Vy L1, sinh ngày 01/5/2017 đang do anh N nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh chị đều có nguyện vọng giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình "nếu con từ đủ 07 tuổi trở nên thì phải xem xét nguyện vọng của cháu"; trong vụ án này, cháu L đã 09 tuổi, nhưng cháu không thể hiện nguyện vọng ở với ai. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã N thì chị M có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ tại xã Đ, làm công nhân thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/1 tháng, anh N có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ tại xã N, làm nhân viên kinh doanh thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/1 tháng. Như vậy cả hai anh chị đều đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu. Thực tế hiện tại cả hai cháu đang do anh N nuôi dưỡng, trong đó cháu L đã 09 tuổi (là cháu trai), cháu L1 dưới 36 tháng tuổi (là cháu gái) còn nhỏ; mặc dù cháu L không có nguyện vọng ở với ai nhưng trên cơ sở thống nhất của các bên đương sự và điều kiện nuôi dưỡng của anh N, chị M, nên giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy

định của pháp luật; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Xuân M được ly hôn anh Phan Viết N.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thanh L, sinh ngày 08/02/2011 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phan Thị Vy L1, sinh ngày 01/5/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị M, anh N đều có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008830 ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị M đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu